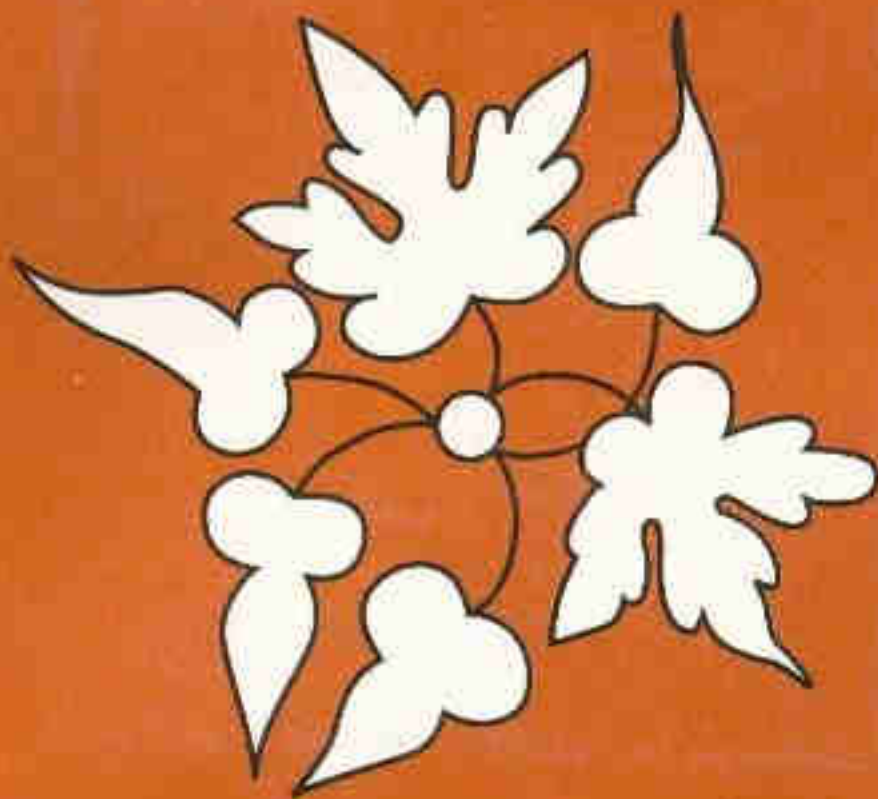


PHẠM TOÀN

Công nghệ đạy văn



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

PHẠM TOÀN

**CÔNG NGHỆ
DẠY VĂN**

(DẪN LUẬN - CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - 2000

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc

NGUYỄN VĂN THOÀ

Tổng biên tập

NGUYỄN THIÊN GIÁP

Biên tập và sửa bản in: NHẬT TÂN

Trình bày bìa:

NGỌC ANH

CÔNG NGHỆ DẠY VĂN (DẪN LUẬN - CƠ SỞ TÂM LÝ HỌC)

Mã số: 02.119.ĐH.2000 - 746.2000)

In 1.000 bản, tại Nhà in Bộ LĐTBXH

Số xuất bản: 125/746/CXB. Số trích ngang 15 KH/XB.

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2001.

Kính dâng hương hồn bà,
tên thời con gái: Dương Thị Cúc,
Khắc Niệm, Võ Giang, Bắc Ninh,
tên về nhà chồng: bà Lê Kỳ,
Cự Lộc, Quan Nhân, Hà Nội,
người Mẹ tinh thần tìe tám bẻ,
người ảnh hưởng suốt cuộc đời

TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	7
<i>Chương mở đầu.</i> PHƯƠNG PHÁP VIẾT CUỐN SÁCH NÀY	13

PHẦN THỨ NHẤT

MỘT CHIẾN LƯỢC GIÁO DỤC MỚI

<i>Chương một.</i> MỘT THỜI THẢ LỎNG	26
<i>Chương hai.</i> CHẠNG VẠNG RẠNG ĐÔNG	44
• <i>Trở lại phương Đông</i>	48
• <i>Nhà trường sáng tạo</i>	68
• <i>Kĩ thuật tiên tiến</i>	88
<i>Chương ba.</i> PHƯƠNG THỨC NHÀ TRƯỜNG.....	106
• <i>Nhà trường của khái niệm</i>	110
• <i>Khái niệm là gì?</i>	117
• <i>Chiếm lĩnh khái niệm</i>	121
• <i>Lại nói về chiếm lĩnh khái niệm</i>	127
• <i>Công nghệ Giáo dục - một lí thuyết</i>	135

PHẦN THỨ HAI

MỘT CHIẾN LƯỢC DẠY VĂN MỚI

<i>Chương bốn.</i> TẠI SAO LẠI DẠY VĂN ?	148
<i>Chương năm.</i> ĐI TÌM ĐỐI TƯỢNG VĂN	164
<i>Phần I:</i> Hiểu lầm và chống hiểu lầm.....	164

<i>Chương sáu.</i>	ĐI TÌM ĐỐI TƯỢNG VĂN	193
	<i>Phần II: Đối tượng văn nhìn từ phía người lớn</i> 193	
	• <i>Hệ thống biểu trưng</i>	197
	• <i>Biểu trưng ẩn dụ</i>	211
	• <i>Động cơ tạo biểu trưng ẩn dụ</i>	217
	• <i>Từ ý kiến chuyên gia: Nguyên lí đôi mắt ướt</i>	219
	• <i>Vô thức và ý thức</i>	226
	• <i>Ảo tưởng khóc mướn</i>	231
<i>Chương bảy.</i>	ĐỐI TƯỢNG VĂN TỪ VIỆC LÀM VÀ THAO TÁC	243
	<i>Phần I: Ba hành động tạo tác phẩm văn</i>	243
	• <i>Cảm hứng sáng tác</i>	250
	• <i>Tạo dáng tác phẩm</i>	259
	• <i>Hành động sắp xếp</i>	267
<i>Chương tám.</i>	ĐỐI TƯỢNG VĂN TỪ VIỆC LÀM VÀ THAO TÁC	276
	<i>Phần II: Hai thao tác tạo tác phẩm văn</i>	276
	• <i>Về khái niệm thao tác</i>	278
	• <i>Thao tác tưởng tượng</i>	288
	• <i>Thao tác liên tưởng</i>	301

PHẦN THỨ BA

NHỮNG VẤN ĐỀ KỸ THUẬT TRONG CHIẾN LƯỢC DẠY VĂN MỚI

<i>Chương chín.</i>	HỆ THỐNG HOẶC QUY TRÌNH	311
	• <i>Về vấn đề hệ thống</i>	315
	• <i>Hệ thống dạy văn Dương Quảng Hàm</i>	321
	• <i>Hệ thống dạy văn Công nghệ Giáo dục</i>	331
	• <i>Nói đi nói lại chẳng thừa</i>	336

<i>Chương mười. KỸ THUẬT THỰC THI</i>	343
I. Ba việc làm căn bản.....	343
• <i>Mục 1: Giảng nghĩa từ như thế nào?</i>	345
• <i>Mục 2: Thao tác tưởng tượng - Tạo dựng hình tượng</i>	
• <i>Mục 3: Thao tác liên tưởng - Tìm ý của hình tượng - Đi từ NGHĨA để tìm đến Ý</i>	370
<i>Chương mười một. KỸ THUẬT THỰC THI</i>	377
II. Giai đoạn chuẩn bị học văn	377
• <i>Vật liệu đồng dao</i>	381
• <i>Vật liệu câu đố</i>	386
• <i>Vật liệu tục ngữ</i>	391
• <i>Vật liệu ca dao</i>	395
<i>Chương mười hai. KỸ THUẬT THỰC THI</i>	402
III. Thể loại tự sự.....	402
• <i>Truyện kể dân gian</i>	404
• <i>Văn xuôi thời hiện đại</i>	412
<i>Chương mười ba. KỸ THUẬT THỰC THI</i>	417
IV. Chiếm lĩnh thể loại trữ tình	417
• <i>Thơ và nghề sư phạm</i>	419
• <i>Tìm ẩn tượng đối với cảm hứng của nhà thơ</i>	430
• <i>Tạo hình thù tác phẩm</i>	437
• <i>Hành động sắp xếp</i>	440
<i>Chương mười bốn. KỸ THUẬT THỰC THI</i>	446
V. Xử lý với thể loại kịch	446
• <i>Kịch ở trong nhà trường</i>	447

• <i>Dạng hoạt động 1: kịch câm</i>	450
• <i>Dạng hoạt động 2: dùng kịch câm giải nghĩa từ ngữ</i>	453
• <i>Dạng hoạt động 3: chuyển thể bài văn sang kịch</i> .	454
<i>Chương mười lăm. KỸ THUẬT THỰC THI</i>	457
VI. Tập làm văn.....	457
• <i>Nơi xa bờ: "chữ đẹp cũng như phong cảnh đẹp"</i>	459
• <i>Làm văn ở chốn gần bờ</i>	470
<i>Chương mười sáu. KẾT LUẬN</i>	478
PHÂN CHÚ THÍCH	485

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đây là cuốn sách nói về công việc dạy Văn ở nhà trường phổ thông, nhưng phạm vi gợi ý của nó có thể nhiều hơn: nên xây dựng chương trình Văn như thế nào? nên huấn luyện giáo viên dạy Văn như thế nào? và nên chăng tổ chức công việc dạy Văn trong một tổng thể dạy *ngữ pháp nghệ thuật*, sao cho học sinh học ít hơn, nhưng có thể tự đem lại cho mình một tình cảm nghệ thuật cao hơn và những kiến thức nghệ thuật sâu hơn.

Chỉ đạo đường lối *công nghệ dạy văn* ở đây là tư tưởng *Công nghệ Giáo dục*, một thực tiễn giáo dục được xây dựng ở Việt Nam từ năm học 1978-1979 và đến nay đã có mặt ở hầu khắp các miền trong cả nước. Tác giả là đồng tác giả biên soạn sách Văn thực nghiệm bậc Tiểu học, mới đầu dùng trên diện hẹp tại *Trường tiểu học thực nghiệm Giảng Võ ở Hà Nội* từ năm 1980, và đã tái bản nhiều lần dùng trên diện rộng trong cả nước kể từ năm học 1986-1987. Cùng với việc biên soạn sách, tác giả đã tham gia huấn luyện giáo viên thực thi Công nghệ dạy Văn. Tác giả không ngồi nghĩ ra mấy sáng kiến dạy Văn rồi viết thành sách này. Sau hai thập kỷ làm công việc thực nghiệm dưới sự chỉ đạo sát sao của giáo sư tiến sĩ khoa học Hồ Ngọc Đại, tác giả đã lấy những thành tựu chung kết hợp với những đúc kết riêng để viết thành sách này.

Như tên sách đã ghi, đây là cuốn *dẫn luận về công nghệ dạy văn*. Đó là bản trình bày tổng thể đường lối *công nghệ giáo*

dục vận dụng vào công việc dạy văn. Những điều cơ bản của cuốn dẫn luận này như sau, xin giới thiệu vắn tắt cùng bạn đọc:

1. Phần thứ nhất: Giới thiệu chiến lược giáo dục mới.

1.1. Theo tác giả, công việc dạy học và giáo dục cần phải trở thành *một nghề*. Xác định một nghề là ở *công cụ* của nghề đó. Vì công cụ cũng xác định *cách làm ra sản phẩm* đặc trưng cho nghề. Đây là những công cụ của cách làm ra sản phẩm giáo dục? Công cụ đó tuyệt nhiên không phải là phấn, bảng, giấy, bút, mực và những lời giảng giải của người thầy giáo. Công cụ của giáo dục nằm trong *cơ chế tâm lí* của việc *chiếm lĩnh các đối tượng học tập*. Tâm lí học giúp ta xác định được *cơ chế học tập* của người học, và từ đó nhà trường có thể tổ chức được việc dạy học một cách không cầu may.

1.2. Theo tinh thần đó, phần thứ nhất của cuốn sách này được dành để nói về quan điểm cốt lõi của chiến lược giáo dục mới có tên là *Công nghệ Giáo dục*. Để giúp bạn đọc hình dung *cái mới* của Công nghệ Giáo dục, tác giả trình bày chiến lược giáo dục mới này trong sự so sánh với rất nhiều tư tưởng giáo dục tiến bộ từng có trong lịch sử. Đây là chỗ khác nhau giữa các tư tưởng giáo dục cũ và tư tưởng Công nghệ Giáo dục mới? Đó là, khi cái cũ là sự nghiệp cho *thiểu số dân cư*, thì cái mới là thành tựu phải đem lại cho *trăm phần trăm dân cư*. Khi cái cũ là *lời khuyên, lời giảng* của người thầy, thì ở cái mới đó là *hệ thống việc làm* để người học tự tạo ra năng lực người. Khi cái cũ nếu có đem lại những thành tựu nhất định, thì đó không hẳn là những sản phẩm do nhà trường chủ động tạo ra một cách chắc chắn, khác hẳn với hệ thống giáo dục mới.

1.3. Cũng trong phần thứ nhất này, tác giả có ý phê phán một số khuynh hướng được tác giả gọi bằng những "ảo tưởng". Những khuynh hướng này đi ngược với tinh thần Công nghệ Giáo dục. Tác giả chỉ ra cái ảo tưởng thứ nhất muốn "trở về phương Đông" một cách mơ hồ; tác giả phê phán ảo tưởng đó ở chỗ nó không chỉ ra được *cách làm cụ thể*, cũng không chứng minh nổi tính khoa học tích cực của xu thế ấy. Có cái ảo tưởng thứ hai nằm trong sự du nhập "kĩ thuật tiên tiến" vào giáo dục; tác giả cho thấy rằng du nhập kĩ thuật là không sai, nhưng phải có một *lí thuyết đúng* chỉ đạo việc du nhập kĩ thuật đó. Còn ảo tưởng thứ ba, theo tác giả, là sự hô hào "sáng tạo". Tác giả cho rằng, đối với tuyệt đại bộ phận người học, cái có thực trong tay nhà giáo là dạy cho họ biết *làm đúng* rồi từ cái làm đúng mà tiến dần lên *làm đẹp, làm nhanh*. Cách làm như thế phải là yêu cầu cốt lõi và chắc chắn. Trên cơ sở *đúng, đẹp, nhanh* may ra sẽ có sáng tạo, chứ không thể "sáng tạo" theo lối cầu may.

2. Phần thứ hai: Giới thiệu chiến lược dạy văn mới

2.1. Làm cách gì để Công nghệ Giáo dục *tổ chức được* công việc học của người học theo một lí tưởng mới mẻ như thế? Công nghệ Giáo dục tìm cách *phân giải* chi tiết cơ chế học như đã nói ở trên. Cơ chế học là sự tác động tích cực của phía *người học* lên *đối tượng học tập* nhằm biến cái *đối tượng tồn tại tự-nó* thành cái *đối tượng cho-ta*. Muốn *tổ chức được* công việc chiếm lĩnh đối tượng như thế, người học không thể tiến hành cùng một lúc trên nhiều đối tượng, càng không thể tiến hành trên những "đối tượng" không được xác định rõ. Theo tác giả, Công nghệ Giáo dục đã giải quyết được sự hiểu lầm từ lâu đối với môn học gọi bằng Ngữ-Văn trong nhà trường. Công nghệ Giáo dục đã tách

đối tượng Văn khỏi đối tượng Ngữ, vì *lô-gich tồn tại* của hai đối tượng đó hoàn toàn khác nhau. Lô-gich của Ngữ là tính khoa học; còn lô-gich của Văn là tính nghệ thuật.

2.2. Do đó, trong phần thứ hai của sách, tác giả tìm cách xác định *đối tượng văn*. Đối tượng văn nằm ở đâu? Để làm công việc phân giải này, tác giả đã phân tích cái lô-gich tồn tại của Văn trong hai nơi cư trú: *tình cảm văn* và *văn bản văn*, tình cảm văn như *cái gốc* còn văn bản văn như *cái cơ* cho tình cảm văn bộc lộ. Tác giả cũng phân tích về *cách làm ra sản phẩm* ở người đi trước, tức nhà văn cũng như người nghệ sĩ nói chung, và *cách làm lại sản phẩm văn* đó ở người đi sau, tức học sinh. Chiếm lĩnh đối tượng văn là *đi lại con đường* nhà văn đã đi để *làm lại* cái sản phẩm văn đó. Việc *đi lại con đường* của người đi trước là nguyên tắc chung của mọi hành động học. Song có sự khác nhau giữa việc "làm lại" cái đối tượng khoa học và "làm lại" cái đối tượng nghệ thuật.

2.3. Khái niệm "làm lại" đối tượng nghệ thuật (văn) được tác giả xác định trong những *hành động* và những *thao tác* chuyên biệt tạo ra sản phẩm văn. Có ba hành động, được diễn ra ở người đi trước, đó là: *tìm cảm hứng* để muốn có CÁI biểu đạt, *tạo dáng tác phẩm* để làm hiện ra CÁCH và CÁI biểu đạt, và hành động *sắp xếp* để làm cho chủ đề sắc nhọn lên. Còn hai thao tác diễn ra với cả người đi trước lẫn người đi sau, đó là *tưởng tượng* và *liên tưởng*.

3. Phần thứ ba: Giới thiệu các kĩ thuật thực thi công nghệ dạy văn

Trong phần thứ ba của sách này, tác giả giới thiệu những kĩ thuật thực thi. Đây chưa phải là một bản *thiết kế* chi tiết như

Công nghệ Giáo dục vẫn sử dụng cho các giáo viên những trường thuộc hệ thống này. Phần kĩ thuật thực thi viết trong sách này vừa đủ *tư biện* để không áp đặt các kĩ thuật lên người đọc sách, đồng thời phần kĩ thuật này cũng vừa đủ *cụ thể* để hấp dẫn người đọc sách, kích thích người đọc sách áp dụng vào thực tiễn dạy văn, thay đổi chi tiết ngay cả khi chưa thay đổi được cả hệ thống.

*

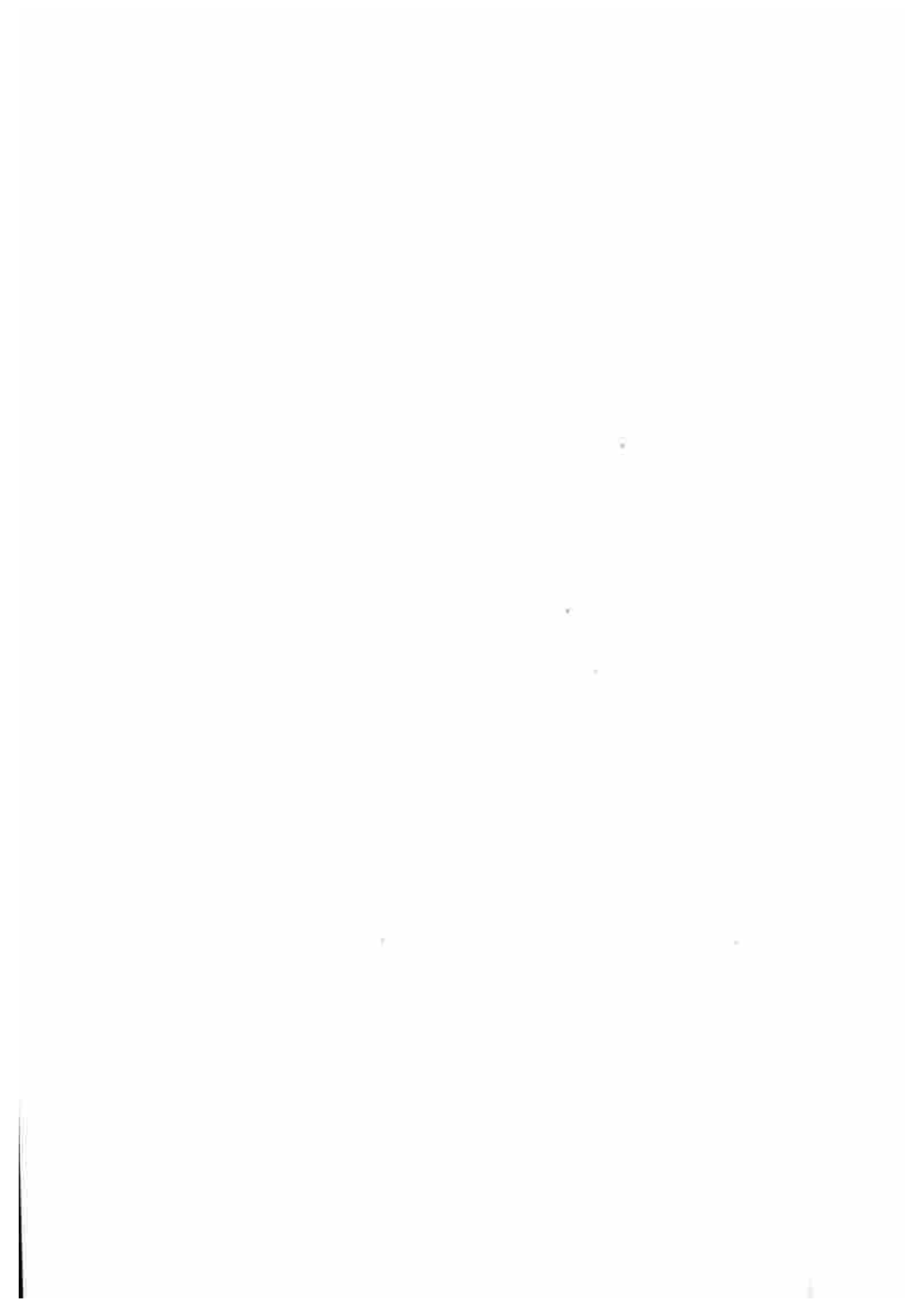
Cuốn sách này mang tính *dân luận* nên nó xử lí trọn vẹn cùng một lúc cả những vấn đề lí thuyết và thực tiễn. Chúng tôi có lời gợi ý về cách dùng sách này như sau.

Những bạn nào quan tâm đến công việc dạy văn cả về lí thuyết lẫn kĩ thuật thì dĩ nhiên nên đọc tất cả các phần. Nhưng nếu có những bạn đọc nào thấy ít hứng thú với những vấn đề lí thuyết thì, sau khi đọc *chương mở đầu* và *chương bốn*, có thể đi thẳng vào *Phần thứ ba* của sách viết về những kĩ thuật thực thi. Sau đó, khi nào bạn thấy hấp dẫn lại về lí thuyết, thì sẽ đọc trở lại hai phần trên.

Các bạn có thể đồng tình hoặc chưa hoàn toàn đồng tình với những kiến giải của tác giả, nhưng đây là một cuốn sách biên soạn công phu, với lối hành văn thân mật, dễ đọc, có thể là một tài liệu tham khảo tốt đối với các nhà giáo, các nhà nghiên cứu và các bạn sinh viên

Xin trân trọng giới thiệu.

Hà Nội, tháng 10 - 2000
NHÀ XUẤT BẢN ĐHQGHN



CHƯƠNG MỞ ĐẦU

PHƯƠNG PHÁP VIẾT CUỐN SÁCH NÀY

THÀNH THẬT MÀ NÓI, tôi viết cuốn sách này mà trong lòng pháp phông. Vì tôi không có được cái niềm tin như của nhiều người, cái đã khiến sách của các bạn đó như là những chân lí rành rành. Song, dù có pháp phông thì cũng cứ phải viết. Dần dà, bạn đọc sẽ rõ.

Người nước Nam ta hay có tật tốt bụng, thích mách giúp bảo dùm. Chia sẻ là "làm phúc", còn biết mà không chia sẻ, không mách bảo, thì "phải tội" đấy chứ chả vừa đâu.

Có hai lĩnh vực thường được bà con ta giúp nhau không công, đó là chữa bệnh và dạy học.

Trong lĩnh vực chữa bệnh, khuyên người đời dùng nước Thánh đền Bia thì chỉ có ông Vũ Trọng Phụng làm. Mà ca dùng thuốc duy nhất đó cũng không nhằm chữa bệnh, chỉ cốt làm cho con bệnh là bố đẻ cụ cố Hồng chết quách. Các trường hợp còn lại thấy đều xuất phát từ lòng tốt và từ kinh nghiệm của người đi trước. Cứ nghe theo lời khuyên, nếu không khỏi hẳn bệnh thì ít ra cũng cảm thấy bệnh tật có phần thuyên giảm. Nếu có xảy ra chết người chẳng qua cũng vì người bệnh đã đến ngày tận số. Mà tận số thì còn ai cứu nổi? Chứ chẳng ai đến nổi ác tâm... như trò đùa của cái nhà ông Phụng.

Trong lĩnh vực dạy học, cái chuyện chết người không xảy ra như tiên. Vì vậy mà lời khuyên cứ gọi là đầy rẫy. Quyển sách

này rồi cuộc rồi cũng phải đưa ra một vài lời khuyên. Đây là cuốn sách nói về *nghề dạy Văn*, nhưng tác giả lại muốn cho tâm của nó không chỉ bó tròn trong một chủ đề ấy. Vì vậy mà trước khi vào sách càng cần phải trình bày phân phương pháp này.

Vậy là ở đây, ngay từ đầu, việc tác giả báo cáo với bạn đọc về *Phương pháp viết cuốn sách này* sẽ giúp bạn đánh giá cái phương pháp đó để có cái nhìn tổng quan về những điều mình sẽ đọc.

Hegel ngay từ khi mở đầu phần *Dẫn luận* cuốn *Cái tinh thần nghiên cứu dưới góc độ hiện tượng học* cũng nói ngay :

Chuyện rất là tự nhiên khi nghĩ rằng, trong Triết học, trước khi đề cập đến bản thân sự vật, thì trước hết phải xem xét cái tri thức được coi là công cụ cho phép ta rồi sẽ chiếm lĩnh được cái tuyệt đối, hoặc coi như là cái phương tiện qua đó ta tri giác được cái tuyệt đối. (1)

Trong một tác phẩm khác, khảo cứu về *Tính sáng tạo và bệnh điên*, ngay từ đầu, tác giả cũng "trình làng" cái phương pháp tiến hành để làm ra cuốn sách. Phương pháp đó, ngoài phần tư biện, dĩ nhiên rất cần, còn là công việc phỏng vấn kéo dài tổng cộng hơn 2.000 giờ (tôi nhấn mạnh : *hai nghìn giờ*) đối với những người được coi là có tài, là thiên tài, hoặc là những người nổi tiếng. Tác giả lấy tiêu chuẩn về những người đặc biệt đó như sau: đó là những người được giải thưởng Nobel, được giải Pulitzer, được nhận Huy chương Vàng toàn nước Mỹ, đoạt giải Sách Quốc gia Hoa Kỳ, giải Thơ ca mang tên Bollingen; tác giả cũng phỏng vấn cả những người được đề nghị danh hiệu Nhà Thơ có sách trong Thư viện Hạ Viện (tức Quốc hội) Mỹ, những người được đề nghị làm thành viên Viện Hàn lâm Nghệ thuật

và Văn học Mỹ, Viện Nghệ thuật và Văn học quốc gia Mỹ, Viện Hàn lâm Khoa học Mỹ hoặc Viện Hàn lâm Hoàng gia Anh tại London. Dĩ nhiên, xem xét về *một cách làm việc* như vậy sẽ giúp người đọc tin cậy vào cái sản phẩm họ đang đọc. (2)

Trong một tác phẩm tâm lí học khác nữa, giáo sư Howard Gardner đã kê khai cách thức ông dùng những tài liệu liên quan đến vấn đề *Trí khôn*. Đó là những tài liệu tư biện trong lịch sử, những công trình nghiên cứu sinh lí thần kinh, tâm lí thần kinh, đến cả những công trình về tiếng hót của loài chim (vì sẽ liên quan tới lập luận về năng lực *trí khôn ngôn ngữ*), những chuyên đề nghiên cứu thiên tài, thần đồng và cả về các *bác học ngu xuẩn* (dùng tiếng Pháp trong nguyên văn *savant idiot*). Tác giả còn thông báo cách tự phê phán quan điểm của chính ông, do đó sau khi trình bày quan điểm mới, cũng lại có viết hẳn một mục *tự đánh giá*. Tất cả những điều đó đều được tác giả thông báo từ đầu, coi như một phần không thể thiếu để xét độ tin cậy của tác phẩm trong tay bạn đọc, nói theo ngôn ngữ đầu tư đương thời, thì đó như thể một *báo cáo tiền khả thi*, có nó thì mới có tiền. (3)

Kể ra ba thí dụ để thấy sự cần thiết phải trình bày trước về phương pháp viết sách này. Phương pháp dùng để viết cuốn *Công nghệ dạy văn* này sẽ như thế nào?

Phương pháp đó gồm hai mặt: một mặt là tìm cách tư biện để cố gắng chứng minh cho một cách làm được tác giả coi là cách làm mới. Mặt khác, công việc tư biện đó sẽ phải thể hiện là chúng đã được và phải được trụ đỡ bởi những việc làm có thật, bởi những "người thật việc thật" hẳn hoi.

Nghĩa là những điều sẽ được nói trong cuốn sách này về nghề dạy văn nằm trong hệ thống quan điểm giáo dục mà tác giả có vinh dự tham gia chủ động tạo ra trong hiện thực tại Việt nam.

Từ năm học 1978-1979, do Hồ Ngọc Đại sáng lập, hệ thống giáo dục này mang một niềm tin hết sức mạnh mẽ vào sứ mệnh lịch sử xây dựng mới một sự nghiệp giáo dục phổ thông xứng đáng tầm vóc phải có của dân tộc ta, xứng đáng với đòi hỏi lịch sử đối với đất nước ta. Có thể thấy điều đó ngay trong tên gọi của đề tài cấp Nhà nước mang mã số 87-54-026 này: *Mô hình nhà trường tổ chức sự phát triển tối ưu của trẻ em Việt nam hiện tại bằng giáo dục thực nghiệm*. Trong tên gọi ấy chứa đựng đầy đủ về Cái phải đạt tới cũng như Cách làm để đạt tới mục đích.

Kể từ ngày đó, kể từ khi giáo sư Hồ Ngọc Đại sáng lập trường Thực nghiệm Giảng Võ vào năm 1978, tới khi đề tài được Hội đồng cấp Nhà nước nghiệm thu và cái cơ sở nghiên cứu nhỏ bé vụt lớn lên thành Trung tâm Công nghệ Giáo dục vào cuối năm 1990, cho tới cái ngày được coi là bắt đầu năm bản lề sang thế kỷ 21, sang thiên niên kỷ thứ ba của loài người, thời gian đâu có nhiều. Chỉ hơn hai chục năm. Nhưng qua hơn hai chục năm, một tập thể khoa học khiêm tốn đã nhân được số học sinh từ năm đầu chỉ gồm 120 em lớp 1 ở một địa chỉ tại Hà Nội thành gần nửa triệu em trong 43 địa chỉ cấp tỉnh và Cấp thành phố trong cả nước. Cái sự tăng vọt về số lượng đó rất quan trọng: nó có nghĩa là, cùng với nửa triệu trẻ em, là một triệu cha mẹ các em, là nhiều triệu bạn bè họ hàng của những người đó, và là vô số nhà giáo dục đã "đầu quân" vào một sự nghiệp giáo dục khác hẳn. Ngoài những sản phẩm có thực hiện hiện ở

những *con người* đó, tập thể khoa học này còn để lại những sản phẩm cũng hoàn toàn có thực khác nữa, là những *tác phẩm* khả dĩ giúp mọi người đến được dễ dàng hơn với *Công nghệ Giáo dục*. Cuốn sách này sẽ phải dùng đến những thành tựu đó. (4)

Trong vòng mấy năm lại đây, Trung tâm Công nghệ Giáo dục còn kết hợp với Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tại Xuân Hoà tổ chức các khoá cao học. Vì vậy mà đã có thêm nhiều nghiên cứu sinh mà sản phẩm của họ là những luận văn bắt đầu đi sâu vào một vài mảng nhỏ của Công nghệ Giáo dục. Liên quan đến nội dung dạy Văn xét trong sách này có tác phẩm của cô giáo người Tày tỉnh Cao Bằng Bế Hồng Hạnh, cô giáo sư phạm tỉnh Thái Nguyên Nguyễn Lệ Thu và cô giáo trường Tiểu học Thực nghiệm Giảng Võ Nguyễn Thị Lê. Luận văn của Bế Hồng Hạnh (5) nghiên cứu về thao tác tưởng tượng của học sinh khi học văn. Luận văn của Nguyễn Lệ Thu (6) nghiên cứu về thao tác liên tưởng của học sinh khi học văn. Nguyễn Thị Lê (7) nghiên cứu về hứng thú học văn và sự hình thành năng lực văn của trẻ em trường tiểu học. Chúng tôi sẽ còn có dịp quay trở lại các luận văn này trong những chương sau.

Bản thân người viết sách này cũng từng là tác giả biên soạn nhiều tài liệu theo quan điểm Công nghệ Giáo dục, trong đó có bộ sách Văn thực nghiệm diện hẹp rồi diện rộng từ lớp 2 đến lớp 5. Cùng với các sách khác, các sách Văn đó đã được thử thách khá rộng trong học sinh cả nước. Kê khai như vậy để thấy là, khi tác giả nói tới những gì gọi là *cái mới* trong cuốn sách này, thì những cái đó không phải là những điều vơ vớ, mà đó là những điều chính tác giả đã từng cùng với bạn đồng nghiệp của mình tạo ra trong thực tiễn Việt Nam. Đó là *những điều có thật*. (8).

LC 1270

Cấu tạo cuốn sách này như sau:

Phần thứ nhất sẽ viết về một *Chiến lược Giáo dục mới*. Để nói được cái mới đó, trước hết cũng có phần nhỏ đánh giá lại những cái đã có trong quá khứ mà ta có thể xếp chung vào mục "cổ truyền". Tiếp đó, phần chủ yếu sẽ phải trình bày cái gọi là *mới* trong chiến lược giáo dục không cổ truyền kia là gì. Cốt lõi của cái mới này có thể được nói gọn như sau: *Phương pháp Nhà trường mới* đó sẽ là nhà trường của *Khái niệm* và của *Công nghệ* tổ chức chiếm lĩnh các khái niệm (mà nói theo thuật ngữ Hồ Ngọc Đại thì đó là CÁI đem lại cho học sinh và CÁCH tổ chức thành công nghệ chiếm lĩnh các khái niệm đó).

Tiếp theo, trong phần thứ hai, sẽ nói về một *Con đường học Văn mới*. Dĩ nhiên đó là con đường học Văn của trẻ em theo quan điểm Công nghệ Giáo dục. Nói chung, nhà trường mới là nhà trường của khái niệm. Nhưng với môn học nghệ thuật là môn Văn, khái niệm chỉ mới là phần cốt lõi để từ đó còn phải tạo ra một *cái gì đó* nữa khác với mặt duy lí của khái niệm. Cũng ở phần này tác giả sẽ cố gắng trình bày để bạn đọc thấy rằng một *công nghệ* tổ chức các hành động học Văn của trẻ em là điều có thể và cần thiết. Hơn ở đâu hết, trong việc học một môn nghệ thuật, lí thuyết tâm lí học thường gọi bằng *lí thuyết hoạt động* trụ đỡ cho *công nghệ học Văn* càng tỏ ra hữu ích.

Cuối cùng, trong phần thứ ba, sẽ nói về các *kĩ thuật dạy văn* thể hiện con đường học văn nói trên. Những kĩ thuật đó sẽ nằm trong những *thao tác* học Văn cụ thể mà người giáo viên có thể dùng chúng để "ra lệnh" cho trẻ em thực hiện để rồi các em tự đến được với tác phẩm Văn. Rất nhiều kĩ thuật đó đã rời khuôn khổ thực nghiệm để trở thành tài sản chung dùng cho